



yīn liàng
音量

Noun · loudness

Example Sentences

wǒ jiàng dī le yīn liàng
我降低了音量。

I lowered the volume.

Qǐng bǎ diàn shì de yīn liàng tiáo xiǎo yí diǎn
请把电视的音量调小一点。

Please turn down the TV volume a little.

mā mā kòng zhì diàn shì de yīn liàng
妈妈控制电视的音量。

Mom controls the volume of the TV.

Trace each character, then write the word on your own.

音	音	音	音	音	音	音	音	音	音	音
音										
量	量	量	量	量	量	量	量	量	量	量
量	量	量	量							